TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết

2. Ông Đặng Thế phong

- Thư ký phiên tòa: Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân, thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2020/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

- **TRẦN ĐÌNH S**; sinh ngày 05/12/1987, tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn 8, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị V; vợ: Vàng Thị X; Con: Có 01 con sinh năm 2014; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/6/2020 đến ngày 02/7/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 20/8/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo từ cấm đi khỏi nơi cư trú sang tạm giam; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/8/2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Hữu L; địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Lý Văn T; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Chị Bàn Thị M; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng

mặt.

2. Trần Đình T; địa chỉ: Thôn 8, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

- Người làm chứng: Trương Văn B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 22/6/2020, bị cáo Trần Đình S đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 6.470.000 đồng *(Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* đựng trong con lợn tiết kiệm bằng sứ là tài sản của anh Lê Hữu L tại tổ 14, phường N, thành phố H. Sau đó, S dùng số tiền trộm cắp được trả cho Lý Văn T 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*) là tiền công T làm cho bị cáo trong 04 ngày. Đến sáng ngày 23/6/2020, bị cáo đưa cho Tr *(em trai ruột của bị cáo)* 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng)* để Tr bắt xe khách về Vĩnh Phúc. Bị cáo chi tiêu cá nhân hết 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng).* Khi bị bắt Sơn đã giao nộp số tiền con lại là 4.470.000 đồng *(Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* cho Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa bị cáo S khai nhận: Khoảng hơn 08 giờ ngày 22/6/2020, bị cáo đi từ phòng thuê trọ ở đường 19/5 sang nhà riêng của anh Lê Hữu L tại tổ 14, phường N, thành phố H. Khi đến nơi, bị cáo thấy anh L đang chuẩn bị lấy xe máy đi ra ngoài, thấy bị cáo đến anh L không khóa cửa để cho bị cáo vào nhà, vì hàng ngày bị cáo vẫn làm việc tại nhà anh L. Sau đó, bị cáo vào trong phòng khách của gia đình anh L, nằm ở ghế khoảng 30 phút thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh L. Do quan sát từ trước, biết anh L có để 01 con lợn tiết kiệm bằng sứ, màu đỏ-trắng ở tủ quần áo bên trong phòng ngủ *(gian thứ nhất giáp với phòng khách)*, lợi dụng lúc trong nhà không có ai, bị cáo đi vào phòng ngủ của anh L, thấy cửa tủ không khóa nên bị cáo đã mở cánh tủ lấy 01 con lợn tiết kiệm bằng sứ kích thước khoảng 40x25x25cm ở đáy tủ mang ra đặt lên phía cuối giường ngủ của anh L. Bị cáo đi ra ngoài gian để xe của gia đình anh L lấy 01 chiếc kìm làm bằng kim loại, để trên nóc tủ đựng giày dép mang vào dùng chiếc kìm trên đập vỡ con lợn tiết kiệm, lấy toàn bộ số tiền bên trong con lợn (không kiểm đếm số lượng) cho vào túi quần, rồi cất các mảnh vỡ của con lợn vào vị trí cũ bên trong tủ quần áo và đóng cửa lại, còn chiếc kìm bị cáo mang để lên trên giường ngủ của gian phòng ngủ thứ 2, tính từ phòng khách vào. Sau đó, bị cáo thu dọn đồ đạc cá nhân và quay lại phòng trọ gọi Lý Văn T (*Là người bị cáo rủ đi làm thuê cho bị cáo*) để đi về nhà của T. Bị cáo thuê xe taxi (*không rõ đặc điểm xe*) đến khu vực cổng Công an tỉnh Hà Giang để đón Trần Đình Tr (*Là em trai ruột của bị cáo*) cùng về nhà Trương Văn B (*Là bạn của bị cáo)* ở xã Việt V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Đến nơi, bị cáo trả tiền xe taxi hết 500.000 đồng, sau đó trả cho Lý Văn T 800.000 đồng là tiền công T làm cho bị cáo trong 04 ngày. Đến sáng ngày

23/6/2020, bị cáo đưa cho Tr 500.000 đồng để Tr bắt xe khách về Vĩnh Phúc. Bị cáo chi tiêu cá nhân hết 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng)*.

Đến khoảng 13 giờ, ngày 23/6/2020 Công an thành phố Hà Giang yêu cầu bị cáo về trụ sở Công an thành phố H để làm việc. Tại đây, bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 4.470.000 đồng *(Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* là số tiền trộm cắp được còn lại của anh L cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận giám định số 206/KL-PC09 ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Toàn bộ số tiền 4.470.000 đồng *(Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* gửi giám định là tiền thật.

Tại Bản kết luận giám định số 199/KL-PC09 ngày 08/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang kết luận: Trên mẫu vật gửi giám định là nhiều mảnh sứ một mặt sơn màu đỏ, một mặt màu trắng, trong đó mảnh to nhất kích thước 23x24cm, mảnh nhỏ nhất kích thước 08x04cm có tồn tại 06 dấu vết đường vân, ký hiệu DV1, DV2, DV3, DV4, DV5, DV6. Các dấu vết đường vân ký hiệu DV4, DV5, DV6 không đủ yếu tố giám định; các dấu vết đường vân ký hiệu DV1, DV2, DV3 đủ yếu tố giám định, trong đó dấu vết đường vân ký hiệu DV3 và dấu vân tay vùng mô ngón út bàn tay trái in tại mặt sau chỉ bản mang tên Trần Đình S, sinh năm 1987, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là của cùng một người.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 28/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hà Giang kết luận: Giá trị 01 con lợn tiết kiệm bằng sứ, màu đỏ, kích thước 25x25x35cm, bị vỡ thành nhiều mảnh, được gia đình bị hại mua sử dụng từ năm 2017 có giá là 405.000 đồng *(Bốn trăm linh năm nghìn đồng)*

* Vật chứng vụ án thu được:

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang đã thu giữ và trả lại cho bị hại Lê Hữu L theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ-CQĐT ngày 02/7/2020: số tiền 4.470.000 đồng *(Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).*

* Vật chứng chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H quản lý theo thẩm quyền:

- Nhiều mảnh sứ một mặt sơn màu trắng, một mặt sơn màu đỏ trong đó mảnh to nhất có kích thước 23x24cm, mảnh nhỏ nhất có kích thước 08x04cm;
- 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu sơn xanh đen, điện thoại được gắn 01 thẻ sim có số thuê bao 0326657236, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (*Một*) ví giả da màu nâu, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6S, vỏ màu trắng -hồng, có số IMEI:355765078758207, bên trong lắp 01 sim VIETTEL có số thuê bao là: 0349548207, điện thoại đã qua sử dụng
- 01 (*Một*) chiếc kìm bằng kim loại *(dạng kìm bóp)*, kích thước dài 25,5cm, rộng 3,5cm; có phần đầu rút đinh dài 05cm, đường kính 01cm.

- Số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng)* do Trần Đình Tr giao nộp cho Cơ quan điều tra, hiện đang tạm giữ trong tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an thành phố H.

Bản cáo trạng số 32/QĐ- VKTPHG ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Trần Đình S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết luận giám định, kết quả điều tra nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Đình S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đình S phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Đình S từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/8/2020, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ theo quy định của pháp luật.

- Không đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS, xét thấy bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo S không có ý kiến đối đáp lại với luận tội và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, việc bị cáo bị xử lý về hình sự là đúng quy định. Bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có QLNVLQ.

[3]. Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đình S khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 22/6/2020, lợi dụng việc anh Lê Hữu L không có ai ở nhà, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 6.470.000 đồng *(Sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* đựng trong con lợn tiết kiệm bằng sứ của anh Lê Hữu L. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Đình S phạm tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp để phục vụ nhu cầu cá nhân, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự nhưng lại ham chơi, lười lao động. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đã trả được 1 phần tài tài sản được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000,đ đến 50.000.000,đ". Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại Lê Hữu L không yêu cầu bị cáo Trần Đình S phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã tiêu xài cá nhân và tiền con lợn sứ tiết kiệm bị cáo làm vỡ, do vậy HĐXX không xem xét.

[9]. Bị cáo đã sử dụng 700.000đ vào việc chi tiêu cá nhân, xét thấy bị cáo đã thu lời bất chính số tiền này nên cần truy thu để sung ngân sách nhà nước.

[10]. Số tiền 800.000đ bị cáo đưa cho T là tiền trộm cắp, tuy nhiên anh T không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không xử lý là phù hợp. Nhưng số tiền này cần phải truy thu của T để sung ngân sách Nhà nước. Do T chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản riêng nên bà M mẹ của T phải nộp thay T số tền trên.

[11]. Số tiền 500.000đ bị cáo đưa cho Tr là tiền trộm cắp tuy nhiên anh Tr không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, nên không xử lý là phù hợp và Tr đã tự nguyện giao nộp lại số tiền trên. Do đó, cần phải tịch thu để sung ngân sách Nhà nước.

[12]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Giang đã thu giữ và trả lại cho bị hại Lê Hữu L theo Quyết định xử lý vật chứng số 18/QĐ-CQĐT ngày 02/7/2020: số tiền 4.470.000 đồng *(Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu, đề nghị gì thêm. Xét thấy, việc xử lý trả lại những vật chứng trên của Cơ quan điều tra là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[13]. Nhiều mảnh sứ một mặt sơn màu trắng, một mặt sơn màu đỏ trong đó mảnh to nhất có kích thước 23x24cm, mảnh nhỏ nhất có kích thước 08x04cm. Không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[14]. 01 (*Một*) chiếc kìm bằng kim loại *(dạng kìm bóp)*, kích thước dài 25,5cm, rộng 3,5cm; có phần đầu rút đinh dài 05cm, đường kính 01cm là công cụ bị cáo đã lấy của anh L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên anh L không lỗi trong việc bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần tuyên trả lại tài sản cho anh L.

[15]. 01 (*Một*) ví giả da màu nâu, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu sơn xanh đen, điện thoại được gắn 01 thẻ sim có số thuê bao 0326657236, điện thoại đã qua sử dụng; 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6S, vỏ màu trắng-hồng, có số IMEI:355765078758207, bên trong lắp 01 sim VIETTEL có số thuê bao là: 0349548207, điện thoại đã qua sử dụng. Xác định được là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ 02 chiếc điện thoại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[16]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ Điều 46, 47, Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo Trần Đình S phạm tội " Trộm cắp tài sản"

- Xử phạt bị cáo Trần Đình S 08 (tám) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/8/2020, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 23/6/2020 đến ngày 02/7/2020.

- Các biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu tiêu hủy: Nhiều mảnh sứ một mặt sơn màu trắng, một mặt sơn màu đỏ trong đó mảnh to nhất có kích thước 23x24cm, mảnh nhỏ nhất có kích thước 08x04cm.

+ Trả lại cho anh Lê Hữu L: 01 (*Một*) chiếc kìm bằng kim loại *(dạng kìm bóp)*, kích thước dài 25,5cm, rộng 3,5cm; có phần đầu rút đinh dài 05cm, đường kính 01cm

+ Trả lại cho bị cáo S: 01 (*Một*) ví giả da màu nâu, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng, không bật nguồn, không kiểm tra bên trong máy kèm theo 01 sim điện thoại; 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu IPHONE 6S, vỏ màu trắng - hồng, có số IMEI:355765078758207, đã qua sử dụng, không bật nguồn không kiểm tra bên trong kèm theo 01 sim VIETTEL, nhưng tạm giữ 02 chiếc điện thoại để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng)* được ghi trên giấy Ủy nhiệm chi tại Kho Bạc Nhà nước Hà Giang ngày 11/9/2020.

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Hà Giang và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 14/9/2020.

+ Truy thu của bị cáo S số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) để sung ngân sách nhà nước.

+ Truy thu số tiền 800.000đ của Lý Văn T để sung ngân sách nhà nước do T chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản riêng nên bà M mẹ của Thành phải nộp thay T số tền trên.

- Về án phí: Buộc bị cáo Trần Đình S phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền vụ nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H, tỉnh HG;
- Công an TP.H, tỉnh Hà Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.H, tỉnh Hà Giang;
- CQ thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Bình